

Số: ~~3694~~/QĐ-UBND

Bình Định, ngày ~~19~~ tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư phát triển
thuộc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2015 chuyển sang năm 2016
của các đơn vị và bố trí phân bổ cho kế hoạch năm 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng môi trường cảnh quan trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá một số giống cây lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển nguồn đối với nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2015 sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện (đợt 2);

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3309/BC-STC ngày 23/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2015 chuyển sang năm 2016 của các đơn vị và bố trí phân bổ cho kế hoạch năm 2016 cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm nguồn kinh phí của các đơn vị: 1.153,626 Triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn thuộc kế hoạch năm trước tiếp tục chuyển sang năm 2016 được thực hiện: 989,600 triệu đồng.

- Vốn thuộc kế hoạch năm 2015 chuyển sang năm 2016 được thực hiện: 164,026 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Phân bổ kế hoạch năm 2016 như sau:

Tổng số phân bổ dự toán kinh phí: 1.153,626 triệu đồng.

- Trồng rừng phòng hộ ven biển (14 ha): 590,828 triệu đồng.

- Trồng cây phân tán (122.357 cây): 562,798 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02, 03 kèm theo)

3. Thời gian thực hiện: năm 2016.

Điều 2. Giao Giám đốc các Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Vân Canh, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Tây Sơn, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm Lâm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

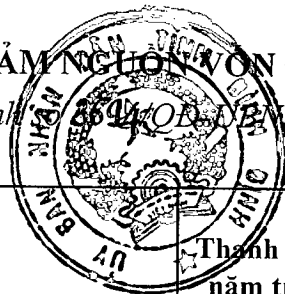
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (23b)



Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH GIÁM NHẬN VỐN ĐẦU TƯ ĐÃ CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Thanh toán vốn thuộc KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 2016 (QĐ 2663 PL02)	Thanh toán 2016 của phần 2015 chuyển nguồn	Số dư đến hiện tại	Phê duyệt điều chỉnh giảm (1)
	Tổng cộng	989,600	0,000	989,600	989,600
1	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan Quy Nhơn	147,129	0,000	147,129	147,129
2	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ Vân Canh	28,277	0,000	28,277	28,277
3	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ An Lão	17,112	0,000	17,112	17,112
4	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ Hoài Ân	675,261	0,000	675,261	675,261
5	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ Hoài Nhơn	121,821	0,000	121,821	121,821

TT	Đơn vị	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 2015 được tiếp tục thực hiện năm 2016 (QĐ 2663 PL01)	Thanh toán 2016 của phần 2015 kéo dài	Số dư đến hiện tại	Phê duyệt điều chỉnh giảm (2)
	Tổng cộng	453,467	289,441	164,026	164,026
1	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan Quy Nhơn	177,306	94,826	82,480	82,480
2	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ Vân Canh	30,600	1,201	29,399	29,399
3	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ An Lão	0,000		0,000	0,000
4	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ Hoài Ân	151,620	99,473	52,147	52,147
5	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ Hoài Nhơn	93,941	93,941	0,000	0,000
	Tổng cộng (1) + (2)				1.153,626

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH CHI TIẾT PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG VÀ VỐN CHO TRỒNG RỪNG VÀ TRỒNG CÂY PHÂN TÁN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định)



TT	Hạng mục	 Tổng số (triệu đồng)	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ		Ban Quản lý Dự án tỉnh Bình Định		Ghi chú
			Khối lượng (ha)	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng (cây)	Thành tiền (triệu đồng)	
Tổng cộng		1.153,626	14,00	590,828	#REF!	562,798	
1	Trồng rừng	590,828	14,00	590,828			
2	Trồng cây phân tán	562,798			#REF!	562,798	Chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo

mm



Phụ lục 03

KẾ HOẠCH CHI TIẾT TRỒNG CÂY PHÂN TÁN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: cây

STT	Huyện/thị xã	Tổng số	Loài cây								
			Sao đen	Dầu rái	Xà cừ	Bàng Đài Loan	sấu	Muồng vàng	Phi Lao	Ôsaka	Sra
1	Huyện Vân Canh	21.300	10.000	6.500	2.000	2.800					
2	Huyện Phù Mỹ	20.350	10.000	5.500	4.750		100				
3	Thị xã An Nhơn	6.176	5000	76	1000		100				
4	Huyện Tây Sơn	16.890	14.000	800	2000		90				
5	Huyện Phù Cát	16.199	13.149		3.000		50	230			
6	Huyện Hoài Ân	16.512	13.500	962	2.000		50				
7	Huyện Vĩnh Thạnh	3.050	2.000		1.000		50				
8	Huyện Tuy Phước	7.000	5.000		2.000						
9	Huyện Hoài Nhơn	13.050	10.000	1.000	2000		50	300	1000	200	100
Tổng cộng		122.357	82.649	14.838	19.750	2.800	490	530	1.000	200	100